

Bản án số: **107/2019/HSPT**

Ngày: 10-04-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo **Phan Thị K** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 31-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị K (tên gọi khác: Vy), sinh năm 1989; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H3, huyện P1, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1966 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1968; có chồng Huỳnh Quốc H2, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2012) và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam ngày 11/4/2018, có mặt.

*** Người bào chữa của bị cáo Phan Thị K theo yêu cầu của Tòa án:** Bà Nguyễn Thị N1 - Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

*** Người bị hại:**

- Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1970, có mặt;
- Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1975, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: 22/29 đường N3, phường X, thành phố T6, tỉnh Phú Yên.

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 183 Đường L, phường X, thành phố T6, tỉnh Phú Yên, có mặt;

- Ông Nguyễn Đình C1, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Khu phố 6, phường X1, thành phố T6, tỉnh Phú Yên, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn P2, xã S, huyện S1, tỉnh Phú Yên, có mặt;

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn P, xã H3, huyện P1, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn C2, xã H4, huyện P1, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 04/2016 đến tháng 01/2018, do không có tiền tiêu xài. Phan Thị K đã nói dối tên Nguyễn Trần Phương Vy đang làm lãnh đạo tại Quân khu 5, Sở Tài chính, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh, làm Phó giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên nên có khả năng xin việc làm trong Quân đội và các cơ quan Nhà nước. Tin lời K, các chị Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị H1, Võ Thị H, Nguyễn Thị Diễm C và anh Nguyễn Đình C1 đã đưa tiền cho K tổng cộng 905.800.000 đồng nhờ xin việc làm cho người thân, sau khi nhận tiền K không thực hiện như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 04/2016, K quen biết chị Trần Thị Kim N và biết chị N có con tên Nguyễn Minh T2 đang thi hành nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Quảng Nam nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài tiền của chị N. K giới thiệu tên Vy đang làm Lãnh đạo trong Quân khu 5 phụ trách bên tuyển lính nghĩa vụ, chồng tên Nguyễn Hoàng Minh là Phó giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh, K nói có khả năng xin cho T2 ở lại phục vụ lâu dài trong Quân khu 5 với giá từ 30 đến 40 triệu đồng, chị N đồng ý. Sau đó, K nhiều lần yêu cầu chị N đưa tiền để K chi phí xin việc như: Ký giấy đi học, mua đồng phục, trả tiền đi thực tế, mua bằng đại học, đóng tiền bảo hiểm, làm thẻ ngành, đưa tiền cho lãnh đạo để

làm hồ sơ nhanh,... Cũng trong thời gian này, K còn hứa xin cho con đầu của chị N tên Nguyễn Trần Bình Y vào làm ở Quân khu 5, chồng chị N tên Nguyễn Văn Hiếu làm bảo vệ tưới nước cây và chị N làm tạp vụ tại Tỉnh ủy Phú Yên. Tin tưởng K, từ khoảng tháng 04/2016 đến tháng 07/2017, chị N đã đưa tiền cho K khoảng 25-26 lần, lần nhiều nhất 25.000.000 đồng, lần ít nhất 500.000 đồng, tổng cộng 245.000.000 đồng, sau khi nhận tiền, K không xin việc như đã hứa mà sử dụng chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ hai: Thông qua chị N, khoảng tháng 04/2016 K quen biết chị Nguyễn Thị Diễm C (em chồng chị N), khi gặp chị C, K giới thiệu tên Vy làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh làm Phó Giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên, chị C nhờ K xin việc cho con tên Trần Minh T3, K đồng ý xin cho T3 vào làm việc lâu dài trong Quân khu 5 với giá khoảng vài chục triệu đồng. Chị C đồng ý và đưa cho K 15.000.000 đồng để lo xin việc, tiếp đó K gọi điện cho chị N nói chị C đưa tiền hoặc trực tiếp đến nhà chị N gặp chị C lấy tiền. Từ tháng 04/2016 đến cuối năm 2016, chị C đã đưa cho K khoảng 06-07 lần, lần nhiều nhất 20.000.000 đồng, lần ít nhất 2.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Sau đó, K tiếp tục gọi điện nói chị C đưa thêm tiền nhưng chị C nói không có tiền nên K không hỏi nữa và cũng không xin việc cho T3 mà sử dụng tiền chị C đưa tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Thông qua chị N, K quen biết chị Nguyễn Thị H1 (thím của N), khi gặp chị H1, K giới thiệu tên Vy làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh làm Phó Giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên, chị H1 nhờ K xin cho con tên Nguyễn Thị Hồng N2, K nói đưa cho K 80.000.000 đồng thì K sẽ xin cho N2 vào làm kế toán trong Quân khu 5. Chị H1 đồng ý. Sau đó, K nhiều lần gọi điện nói chị H1 đưa tiền để K đóng phí hồ sơ, lệ phí thi, chi phí đi thực tế, rút hồ sơ và đưa thêm tiền để lo cho N2 làm thư ký riêng cho K. Tin tưởng K, từ tháng 08/2016 đến tháng 08/2017, chị H1 đã đưa tiền cho K 16 lần, lần nhiều nhất 80.000.000 đồng, lần ít nhất 300.000 đồng, tổng số 222.800.000 đồng, các lần đưa tiền N2 đều ghi chép lại về thời gian, số tiền và lý do đưa tiền cho K, trong đó một số lần đưa tiền có chị N và Nguyễn Đình C1 chứng kiến. Sau khi lấy tiền, K hẹn ngày 11/01/2017 N2 sẽ đi làm, nhưng K không xin việc cho N2 như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ tư: Từ khoảng tháng 07/2016, K thường xuyên thuê xe taxi do Nguyễn Đình C1 điều khiển nên quen biết C1. K giới thiệu với C1 K làm Lãnh đạo trong Quân khu 5, K nói C1 chạy xe vất vả, thu nhập lại không ổn định để K xin cho C1 vào lái xe trong Quân khu 5. C1 nói gia đình khó khăn không có tiền xin việc thì K nói để K cho mượn khi nào đi làm thì trả lại sau. C1 đồng ý, K mua hồ sơ xin việc đưa cho C1 ghi thông tin rồi đưa lại cho K. Đến khoảng đầu tháng 10/2016, K nói C1 đã có tên trong danh sách đi làm nên phải đi thực tế để

báo cáo cho thanh tra Trung ương. Tin sắp được đi làm, từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2018, C1 đã đưa tiền cho K khoảng từ 15-16 lần, lần đưa nhiều nhất là 50.000.000 đồng, ít nhất là 5.000.000 đồng, để trả chi phí lo xin việc và trả tiền đi thực tế, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Cũng trong thời gian này, K còn hứa xin cho em họ của C1 tên Nguyễn Thị Bích T4 vào làm việc tại Quân khu 5, C1 đã đưa cho K 18.000.000 đồng. Tổng số tiền C1 đã đưa cho K là 198.000.000 đồng. Thực tế K không xin việc cho ai mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ năm: Đầu năm 2017, K đến quán của chị Võ Thị H ở số 183 Đường L, phường 7, thành phố T6 uống nước thì gặp chị H. Qua nói chuyện, K biết chị H có con gái tên Nguyễn Ngọc T5, đang cần xin việc làm. K giới thiệu tên Vy làm Trưởng phòng nhân sự Sở Tài chính tỉnh Phú Yên, chồng tên là Minh làm Phó Giám đốc Công an tỉnh Phú Yên cơ sở 2. K nói với chị H sẽ xin cho T5 vào làm nhân viên trong Sở Tài chính, chi phí khoảng 50.000.000 đồng, chị H đồng ý. Sau đó, K nói với chị H, hiện tại Trưởng phòng kinh doanh của Sở Tài chính đã chuyển công tác đi Bình Định nên K nói chị H chuẩn bị từ 120 - 200 triệu đồng đưa cho K lo cho T5 vào làm Trưởng phòng và hẹn ngày 29/01/2018 T5 sẽ đi làm. Tin lời K, từ ngày 02/12/2017 đến khoảng đầu tháng 01/2018, chị H nhiều lần đưa tiền cho K, lần nhiều nhất là 60.000.000 đồng, ít nhất là 6.000.000 đồng, tổng cộng 170.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền K không xin việc cho con chị H. Ngày 22/01/2018, T5 nhắn tin hỏi K về việc làm, K nói đang ở Hải Phòng và chuẩn bị đưa chồng đi Singapore, nghỉ ngơi nên chị H đi tìm thì gặp K đang ngồi trên xe taxi tại đường N4, phường X2, thành phố T6 và báo Công an.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản

1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Phan Thị K - 14 (*Mười bốn*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06-11-2018 bị cáo Phan Thị K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài*”

sản” là có căn cứ; mức án phạt 14 năm tù Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ly hôn chồng, nuôi con nhỏ (sinh năm 2012) mới 7 tuổi; nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu lời bào chữa cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phan Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng; tuy nhiên gia đình bị cáo rất khó khăn, đang nuôi con nhỏ đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị cáo Phan Thị K thống nhất với lời bào chữa của người bào chữa và xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Những người bị hại bà Trần Thị Kim N, Võ Thị H cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo chưa bồi thường thêm cho những người bị hại, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 1/2018 Phan Thị K đã nói dối tên Nguyễn Trần Phương Vy đang làm lãnh đạo tại Quân khu 5, Sở Tài chính, có chồng tên Nguyễn Hoàng Minh, làm Phó giám đốc cơ sở 2 Công an tỉnh Phú Yên nên có khả năng xin việc làm trong Quân đội và các cơ quan Nhà nước. Tin lời K, các chị Trần Thị Kim N, Nguyễn Thị H1, Võ Thị H, Nguyễn Thị Diễm C và anh Nguyễn Đình C1 đã đưa tiền cho K tổng cộng: 905.800.000, đồng nhờ xin việc làm cho người thân, sau khi nhận tiền K không thực hiện như đã hứa mà sử dụng tiêu xài cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy: Bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người, nhiều lần, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh xã hội tại địa phương, sau khi phạm tội bị cáo mới khắc phục được một phần tài sản là số tiền chiếm đoạt; khi quyết định hình phạt tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo; xét căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra thấy mức án 14 năm tù mà Tòa án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi con nhỏ, do vậy chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm

sát viên tham gia phiên tòa giám cho bị cáo một phần hình phạt tù, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí dân sự và hình sự sơ thẩm của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo Phan Thị K không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị K; sửa bản án sơ thẩm như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị K - 13 (*Mười ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2018.

2. Các quyết định khác về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí dân sự và hình sự sơ thẩm của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Công an tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Yên (bị cáo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn